

Bản án số: 124/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17/9/2024

V/v: "Ly hôn"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Hà Văn Bình

2. Ông: Lò Văn Trục

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Hải Vân -Thư ký Toà án nhân dân Huyện B, tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện B tham gia phiên tòa:*

Bà: Nhữ Thị Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện B, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2024/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vi Thị M, sinh năm: 1977

Trú tại: Thôn Ch, xã Nh, Huyện B, Thanh Hóa;

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lò Văn H, sinh năm: 1975

Trú tại: Thôn Ch, xã Nh, Huyện B, Thanh Hóa;

Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Văn Dương -Trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thu Vân -Trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa - Chi nhánh số 2.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 24/6/2024, biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị M trình bày: Chị và anh H là người cùng làng, lớn lên tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có tổ chức cưới theo tập quán từ năm 1996. Đăng ký kết hôn ngày 02/8/2013 tại UBND xã Nh, Huyện B, Thanh Hóa. Hôn nhân diễn ra bình thường, quá trình chung sống anh H thường xuyên rượu chè, say sìn, anh không chửi bới hàng xóm nhưng thường xuyên chửi mắng vợ con, thỉnh thoảng cũng có bạo lực gia đình, có lần đánh chị cũng đã phải đi bệnh viện, việc mâu thuẫn gia đình cũng đã có lần phải lên UBND xã hòa giải, tuy nhiên anh H không thay đổi, vẫn thường xuyên say sìn, khi con còn nhỏ thì chị vì con nên cố gắng nhẫn nhịn, chịu đựng. Nay hai con đã lớn, đều đã lập gia đình nhưng anh H ngày càng nghiện rượu nặng hơn, tuy vợ chồng vẫn chung sống trong một nhà nhưng chị không thấy có hạnh phúc, thường xuyên chịu áp lực, cuộc sống trở nên bế tắc. Vì vậy chị có nguyện vọng ly hôn anh H để giải thoát cho bản thân.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lò Thị M1, sinh ngày 10/7/1998 và Lò Thị M2, sinh ngày 09/8/2000. Hiện cả hai cháu đã thành niên các cháu ở với ai do các cháu quyết định.

Về tài sản và công nợ: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý và triệu tập họp lệ anh H đến tòa để làm bản tự khai nhưng anh H vắng mặt nên không có lời khai của anh H trong hồ sơ vụ án. Chị M đề nghị không tiến hành hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án cũng đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các bên đương sự nhưng anh H không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh H. Anh H cũng đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, chị M đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn, biên bản làm việc và toàn bộ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và căn cứ điều 227, điều 228, điều 238 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M và anh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 BLTTDS; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vi Thị M, xử cho chị M được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị M và anh H có 02 con chung Lò Thị M1, sinh ngày 10/7/1998 và Lò Thị M2, sinh ngày 09/8/2000 hiện đều đã thành niên nên đề nghị HĐXX miễn xét.

Về tài sản, công nợ: Chị M không yêu cầu giải quyết nên đề nghị miễn xét.

Về án phí: Chị M là người dân tộc thiểu số (Dân tộc Thái) sống tại vùng có kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, chị đã có đơn xin miễn tiền án phí. Vì vậy đề nghị HĐXX căn cứ vào điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị M.

**Ý kiến của người bảo vệ lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Chị M và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Văn Nho vào năm 2013, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh H nghiện rượu thường xuyên uống rượu say xỉn, chửi mắng vợ con, có lúc cũng có bạo lực gia đình, việc này phù hợp với biên bản xác minh của Tòa án. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị M được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị M và anh H có 02 con chung Lò Thị M1, sinh ngày 10/7/1998 và Lò Thị M2, sinh ngày 09/8/2000 hiện đều đã thành niên nên miễn xét.

Về tài sản, công nợ chung: Chị M không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số sống tại vùng có kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy đề nghị miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị M theo quy định của pháp luật.

**Ý kiến của người bảo vệ lợi ích hợp pháp của bị đơn:** Chị M và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Văn Nho vào năm 2013, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống theo nguyên đơn trình bày, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh H thường xuyên uống rượu, say xỉn, chửi mắng vợ con, mâu thuẫn vợ chồng đã được Tòa án xác minh là thực tế. Quá trình giải quyết anh H không đến Tòa án làm việc để Tòa

án hòa giải. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng xảy ra là thực tế. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị M và anh H có 02 con chung Lò Thị M1, sinh ngày 10/7/1998 và Lò Thị M2, sinh ngày 09/8/2000 hiện đều đã thành niên nên miễn xét.

Về tài sản, công nợ chung: Chị M không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị M và anh H đều có hộ khẩu ở Huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc TAND Huyện B được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai dù đã được tổng đạt hợp lệ. Vì vậy, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị M và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/8/2013 tại UBND xã Văn Nho, Huyện B, Thanh Hóa nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh H thường xuyên uống rượu, say xỉn, chửi mắng vợ con, thỉnh thoảng cũng có bạo lực gia đình, việc này phù hợp với biên bản xác minh của Tòa án. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị M được ly hôn anh H.

4] Về con chung: Chị M và anh H có 02 con chung Lò Thị M1, sinh ngày 10/7/1998 và Lò Thị M2, sinh ngày 09/8/2000 hiện đều đã thành niên nên miễn xét.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Chị M không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[6] Về án phí: Chị M là người dân tộc thiểu số (Dân tộc Thái) sống tại vùng có kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, chị đã có đơn xin miễn tiền án phí. Vì vậy miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị M.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, Điều 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị M được ly hôn anh Lò Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung Lò Thị M1, sinh ngày 10/7/1998 và Lò Thị M2, sinh ngày 09/8/2000 hiện đều đã thành niên nên miễn xét.

Về tài sản, công nợ chung: Chị M không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Chị M là người dân tộc thiểu số (Dân tộc Thái) sống tại vùng có kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, chị đã có đơn xin miễn tiền án phí. Vì vậy miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị M.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND Huyện B;
- Các đương sự;
- UBND xã Nh;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Huyện B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã Ký**

**Vũ Văn Nga**



**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Hà Văn Bình**

**Lò Văn Trực**

**Vũ Văn Nga**